

TƯ LIỆU

CHINH AN NAM KỶ LƯỢC

Tác giả: **Sư Phạm**Người dịch: **Nguyễn Duy Chính***

Một tài liệu cũng thỉnh thoảng được nhắc đến trong những biên khảo về Tây Sơn là *Chinh An Nam kỷ lược* (征安南紀略) của Sư Phạm (師範) ghi chép về cánh quân Vân Quý đi theo đường Vân Nam xuống Tuyên Quang trong trận chiến Việt-Thanh đầu năm Kỷ Dậu (1789).

Bản chúng tôi sử dụng ở đây nằm trong một bộ sách lớn có nhan đề *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao* (小方壺齋輿地叢鈔), gồm chính biên 16 cuốn, bổ biên 10 cuốn nữa do Vương Tích Kỳ (王錫祺) tập hợp, bao gồm nhiều đề tài, nhiều tác giả do Quảng Văn thư cục ấn hành tại Đài Bắc năm 1962. Trong bộ sách này, quyển thứ XIII có 15 tác phẩm viết về Việt Nam từ trang 7.535 đến trang 7.677 [142 trang sách] liệt kê như sau:

1. *Việt Nam chí* (越南志) [của Tây phương (Thái Tây)].
2. *An Nam tiểu chí* (安南小志), Diêu Văn Đống dịch [của Tây phương].
3. *Việt Nam khảo lược* (越南考略), tác giả Cung Sài, người Ninh Ba.
4. *Việt Nam thế hệ duyên cách lược* (越南世系沿革略), tác giả Từ Diên Húc, người Lâm Thanh.
5. *Việt Nam cương vực khảo* (越南疆域考), tác giả Ngụy Nguyên, người Thiệu Dương.
6. *Việt Nam địa dư đồ thuyết* (越南地輿圖說), tác giả Thịnh Khánh Phát, người Vĩnh Thanh.
7. *An Nam tạp ký* (安南雜記), tác giả Lý Tiên Căn, người Toại Ninh.
8. *An Nam kỷ du* (安南紀遊), tác giả Phan Đình Khuê, người Tấn Giang.
9. *Việt Nam du ký* (越南遊記), tác giả họ Trần [không rõ tên], người Tân Phụ.
10. *Chinh phủ An Nam ký* (征撫安南記), tác giả Ngụy Nguyên, người Thiệu Dương.
11. *Chinh An Nam kỷ lược* (征安南紀略), tác giả Sư Phạm, người Triệu Châu.
12. *Tòng chinh An Nam ký* (從征安南記) [khuyết danh].
13. *Việt Nam sơn xuyên lược* (越南山川略), tác giả Từ Diên Húc, người Lâm Thanh.

* California, Hoa Kỳ.

14. *Việt Nam đạo lộ lược* (越南道路略), tác giả Từ Diên Húc, người Lâm Thanh.

15. *Trung ngoại giao giới danh ải tạp lược* (中外交界名隘卡略), tác giả Từ Diên Húc, người Lâm Thanh.

Chinh An Nam kỷ lược đứng thứ 11, tổng cộng 2.267 chữ [từ trang 7.645 đến trang 7.648].

Vào thời điểm đó, Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc Lương Quảng là tổng chỉ huy tiết chế đại quân bao gồm cánh quân chủ lực Quảng Đông, Quảng Tây và cánh quân hỗ trợ từ Vân Nam, Quý Châu [nói theo ngôn từ quân sự thời cổ là chính binh và kỳ binh]. Ngoài hai đạo quân Thanh còn một đạo quân nhỏ hơn là thổ binh của Sâm Nghi Đống [Thổ quan Điền Châu,⁽¹⁾ tức quân địa phương người thiểu số, tương tự như các lang chạ ở khu tự trị Thái-Mường nước ta thời Pháp thuộc] đi theo hướng Cao Bằng.

Hai cánh quân chính của nhà Thanh tuy mang tiếng là bốn tỉnh phía nam-tây nam Trung Hoa nhưng không có kỳ binh người Mãn [là những đạo quân tinh nhuệ trú đóng tại các tỉnh miền bắc với nhiệm vụ bảo vệ cho hoàng thành và các nơi hiểm yếu] mà chỉ là lực doanh tức quân người Hán tại chỗ [nói theo đời nay tức chỉ có địa phương quân chứ không phải các đơn vị chủ lực]. Một điểm tế nhị khác chúng ta cũng cần nhắc đến là Tôn Sĩ Nghị gốc người Hán nên chỉ được chỉ huy những đơn vị dưới quyền chứ không được điều động quân đội có cả người Mãn Châu.

Theo như nội dung, tác giả Sư Phạm thuộc cánh quân Vân Quý. Cánh quân này được điều động đi theo ải Mã Bạch sang nước ta, chưa đến được Thăng Long thì đại quân của Tôn Sĩ Nghị đã thua nên vội rút về, thành thử không có chiến công gì đáng kể. Chính tác giả cũng nhấn mạnh là việc di chuyển được thuận lợi là nhờ có một viên thổ quan người nước ta là Hoàng Văn Thông làm hướng đạo, chỉ vẽ đường đi nước bước.

Trong đoạn văn này, phần trước nhắc lại nội vụ biến động tại nước ta theo lời tường thuật của một số người trong đám tôn thất nhà Lê chạy được sang Long Châu nay quay trở về nước nghe ngóng tin tức vua Lê và liên lạc với các nhóm chống Tây Sơn còn đang hoạt động. Theo *Khâm định An Nam kỷ lược* thì những người này là Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Đình Mai... là bên họ ngoại và bên vợ vua Lê.

Những chi tiết đó rất sai lạc so với sử nước ta và có lẽ do các bầy tôi nhà Lê thuật lại theo sự hiểu biết giới hạn của họ. Những sai lầm tương tự chúng ta cũng thấy trong những tài liệu ở nước ngoài [chẳng hạn tài liệu Xiêm La thuật lại biến động Tây Sơn]⁽²⁾ hay các giáo sĩ ở trong Nam viết về miền Bắc.⁽³⁾ Điều đó cho ta thấy rằng những lời đồn đại của phe thua trận và tường thuật của bầy tôi nhà Lê về các biến động ở triều đình rất tùy tiện. Không cứ gì trong *Chinh An Nam kỷ lược* của Sư Phạm, các chi tiết trong tài liệu của Ngụy Nguyên, Trần Nguyên Hiếp... đều có nhiều điểm không chính xác khi đối chiếu với những nguồn khác đáng tin hơn và người nghiên cứu bao giờ cũng phải phân tích kỹ lưỡng khi sử dụng.

Ngoài ra, hoàn cảnh lịch sử thời kỳ Tây Sơn cũng có những nét đặc biệt. Thành phần đối nghịch với triều đình chạy được ra ngoài chỉ thuật lại theo chủ quan vì hầu hết chỉ nghe nói chứ không mục kích, lại hay suy luận theo chiều hướng có lợi cho mình. Một ví dụ nhỏ, khi Lê Quýnh [cụ thân nhà Lê] trao đổi với Tôn Sĩ Nghị và Phúc Khang An để xin viện binh, ông luôn luôn khẳng định rằng một khi quân Thanh vượt biên giới, thành phần nghĩa dũng sẽ nổi lên hưởng ứng, tiếp tay và có thể tự lực để lấy lại nước. Thực tế, hầu hết các địa phương chỉ án binh bất động, nếu có thì cũng cát cứ một vùng, không tạo nên được một lực lượng chống đối đáng kể như họ mong đợi.

Các bộ sử triều Nguyễn khi biên soạn về triều đại Tây Sơn một nửa thế kỷ sau đó cũng không dựa trên tài liệu gốc mà phải tham bác tài liệu dân gian nên có nhiều điểm thiếu nhất quán, khó kiểm chứng. Những biến cố lớn vì thế phải dựa vào hồ sơ hành chánh của Thanh triều và quan sát trực tiếp từ các giáo sĩ Tây phương [còn tài liệu nguyên thủy làm chứng cứ] để cắm mốc và phân ra từng đoạn rồi ráp lại với nhau.⁽⁴⁾

Tuy nhiên, để tìm hiểu phản ứng của các phe lâm chiến, chúng ta không thể không xem ngay tại thời điểm đó, kiến thức và suy nghĩ của quan lại nhà Thanh cùng tông vong nhà Lê như thế nào? Những tài liệu đó cho thấy nhiều sự việc đã dựa trên những tin tức sai lạc đưa đến những suy nghĩ chủ quan và bị cuốn hút vào những cơn lốc chính trị mà không biết. Đó cũng là lý do chúng tôi dịch bản văn ngắn ngủi này.

Bản dịch

CHINH AN NAM KỶ LƯỢC

Sư Phạm, người đất Triệu Châu⁽⁵⁾ viết

An Nam thời Đường Ngu là biên giới phía nam. Sang đời Chu gọi là Việt Thường. Đời Hán, Đường, Ngũ Quý thuộc về nội địa. Đời Tống thì từ bỏ cùng với Vân Nam [tức không còn thuộc đất Trung Hoa nữa, đây là nước ta và nước Đại Lý]. Đầu đời Vĩnh Lạc nhà Minh bình được An Nam nhưng không lâu cũng lại bỏ. Tháng 6 năm Mậu Thân đời Càn Long, nước ấy có loạn. Quốc vương bỏ chạy ra ngoài, quyến thuộc cùng đại thần trốn được sang Việt Tây [Quảng Tây].

Tuần phủ Việt Tây là [ông] Tôn Vĩnh Thanh nghe biết mà khi ấy Tổng đốc là [ông] Tôn Sĩ Nghị đang ở tại đất Triều [đời Thanh là một phủ ở Quảng Đông, đời Dân Quốc đổi thành huyện Triều An] được tin báo liền vội tới Nam Ninh.

Hoàng đế ra lệnh cho hai đất Điền [Vân Nam, Quý Châu] và Việt [Quảng Đông, Quảng Tây] hợp lực đánh dẹp, Tôn công làm tổng chỉ huy binh lực, đề trấn [bao gồm đề đốc và tổng binh, gọi tắt là đề trấn] các cấp trở xuống đều chịu tiết chế, còn quân đất Điền làm thanh viện [tức kỳ binh hay binh phụ lực]. Vì thế nên Tổng đốc Vân Quý là Phú Cương mới tập trung binh lính ở Khai Hóa và truyền lệnh cho những thần tử nước An Nam không phục [chủ mới] nổi lên chống lại.

Khi ấy có bảy tôi nước An Nam chạy sang nội địa từ Việt Tây [Quảng Tây] theo đường Khai Hóa trở về nước,⁽⁶⁾ Phú công mới gọi vào cật vấn, những người đó mới trình bày nguyên ủy của biến loạn như sau:

Nội loạn nước An Nam khởi đầu từ việc phụ chính. Trước đây vua có tả hữu phụ chính, cũng giống như nguyên soái vậy. Tả phụ chính họ Nguyễn, hữu phụ chính họ Trịnh đều nối dòng làm quan. Tả phụ chính trông coi việc nước, còn [binh] quyền thì thuộc về họ Trịnh, hai bên gả con cho nhau.

Về sau phụ chính họ Nguyễn già cả, con còn nhỏ nên khi lâm chung mới đem chức phụ chính gửi lại cho rể là Trịnh A Bảo trông nom thay quyền. Trịnh A Bảo không nghĩ gì đến vợ Nguyễn thị mưu toan thủ lợi. Thế nhưng con gái lớn của phụ chính họ Nguyễn biết được ý đó nên mới bí mật nói với quốc vương họ Lê rằng em tôi nay cũng đã trưởng thành, vậy xin giao lại chức phụ chính cho y.

Hồi đó vua Lê lại thiên vị họ Trịnh nên khi nghe thế liền nổi giận, giao hết các chức phụ chính cho A Bảo. Từ đó chỉ còn một phụ chính, không còn chia ra tả hữu nữa. Vợ của A Bảo và em mới đi vào đất Thuận Ngõa [順瓦] ở Quảng Nam. Người em tức là con trai của phụ chính họ Nguyễn, ở Thuận Ngõa xưng là Quảng Nam Vương. Từ đấy hai họ Trịnh Nguyễn đời đời thù ghét nhau, đánh giết không ngừng.

Tuy họ Nguyễn ở Thuận Quảng mất chức phụ chính nhưng vẫn theo lệ tiến cống cho vua Lê hơn hai trăm năm. Vua Cảnh Hưng Lê Duy Đoan [黎維端]⁽⁷⁾ tức vị thì phụ chính bấy giờ là Trịnh Đổng⁽⁸⁾ [鄭棟]. Vua Cảnh Hưng là người yếu đuối mờ tối không lo gì đến quốc chính, binh mã tiền lương đều do một tay Trịnh Đổng cả. Ngay cả đến ấn của nhà vua cũng do y cất giữ để chuyên quyền, có ý muốn soán ngôi. Năm Càn Long thứ 50 [1785], vua Cảnh Hưng bị bệnh, Trịnh Đổng giết thế tử.⁽⁹⁾ Rồi lập em của vua Cảnh Hưng là “Ông Hoàng Tư” Lê Duy Cẩn.⁽¹⁰⁾ Các bảy tôi An Nam không phục. Trịnh Đổng ngầm tính đợi khi vua Cảnh Hưng băng hà sẽ cướp ngôi nhưng lại sợ kẻ thù truyền thế ở Quảng Nam nên ra tay diệt trước cho khỏi hậu hoạn.

Khi đó có thổ tù ở đất Tây Sơn thuộc Quảng Nam là anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là kẻ kiệt kiệt. Trịnh Đổng dụ dỗ để cùng tiêu diệt Quảng Nam Vương rồi sẽ cắt đất ban cho. Nhạc trong bụng không ưa Trịnh Đổng nhưng muốn thừa cơ hội đánh cả hai nên vào tâu với Quảng Nam Vương xin được đem quân đánh Trịnh Đổng. Quảng Nam Vương không biết ý đó nên bằng lòng. Nguyễn Nhạc vừa nhận được quân liền cùng với Trịnh Đổng hợp lực giết Quảng Nam Vương và toàn gia quyến, sau đó chiếm lấy đất Quảng Nam.

Trịnh Đổng nghĩ đất đó ở góc biển xa xôi có giữ cũng khó nên giao cho Nhạc trấn nhậm rồi về Lê kinh. Lúc đó là tháng 6 năm Càn Long thứ 51 [1786]. Từ lúc đó anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ở đất Quảng Nam chiêu binh mãi mã càng lúc càng mạnh, chiếm được Phú Xuân rồi tư

lập làm Trịnh Tĩnh Vương hai bên đánh lẫn nhau, vua Cảnh Hưng không biết làm thế nào.

Trịnh Đổng có hai con, con trưởng là Trịnh Tông, con thứ là Trịnh Cán. Đổng yêu Cán, muốn cho lên thay. Khi bị bệnh mới dặn Huy quận công Hoàng Đình Chấn [黃廷璵]⁽¹¹⁾ phụ chính cho Cán tổng lý quốc sự, hiệu là Trịnh Đô Vương. Tông không phục nên tụ tập binh sĩ đánh Đô Vương. Đô Vương thấy thế thua nên đem chức vị nhường lại cho Trịnh Tông, hiệu là Đoan Nam Vương.

Tông lên rồi hết sức khinh chúa, lộng quyền, mọi quan quân đều oán giận. Tông biết mọi người ghét mình lại sợ Cán có thể cùng với Hoàng Đình Chấn thừa cơ gây biến nên ra tay giết Đình Chấn.

Có tay Cống Chỉnh là thuộc hạ của Chấn oán Trịnh Tông giết chủ mình thế báo thù nên chạy vào Quảng Nam đầu Nguyễn Nhạc mưu tính việc tru diệt Trịnh Tông. Anh em Nguyễn Nhạc thấy Chỉnh là gia nhân của họ Trịnh nên không muốn dùng, nhưng về sau Chỉnh ra sức chiếm đất Chiêm Thành nên mới tin rồi hưng binh đem ra kinh đô nhà Lê giết được cả nhà Trịnh Tông. Vua Lê thấy anh em họ Nguyễn giết Trịnh Tông trừ hậu hoạn nên mừng lắm, nghĩ không biết cách nào giữ Nguyễn Huệ lại kinh đô giúp mình bèn gả con gái cho y, Nguyễn Nhạc tức tối rút về Quảng Nam.

Tháng 7 năm Càn Long 52 [1787], vua Lê mất, tự tôn là Lê Duy Kỳ nối ngôi hiệu là Chiêu Thông⁽¹²⁾ Vương. Tháng 8, Nguyễn Huệ ở kinh đô cướp hết voi ngựa, vàng bạc các thứ rồi cùng vợ về Quảng Nam. Vua Chiêu Thông nghe được liền sai Cống Chỉnh đoạt lại năm mươi con voi. Nguyễn Huệ về đến Quảng Nam lại bị Nguyễn Nhạc chiếm hết mọi vật, do đó anh em không còn hòa thuận nữa.

Nguyễn Huệ sống biệt lập ở Phú Xuân, kiến tạo thành vây quanh, sai tướng là Tiết chế Nguyễn Nhậm [tức Vũ Văn Nhậm] đem binh công phá Lê kinh. Cống Chỉnh đánh trận bị chết, vua Chiêu Thông chạy về Sơn Nam. Nguyễn Nhậm chiếm Lê thành, các trấn thủ châu huyện kẻ thì bỏ chạy, kẻ thì đầu hàng. Nguyễn Nhậm chia đồng đảng ra trấn thủ các nơi hiểm yếu lại có chí soán ngôi. Ông Hoàng Tư Lê Duy Cẩn liền đầu hàng giặc được phong làm Sùng Nhượng công.

Năm Càn Long thứ 53 [1788], Nguyễn Huệ đem mấy vạn quân đến kinh đô vờ phao lên rằng Nguyễn Nhậm coi thường chúa nên chém đầu. Lại cho người đi mời tự quân Chiêu Thông trở về. Nhà vua biết y không thể tin được nên không chịu ra. Dân chúng ở kinh đô cũng bất phục nên Huệ không dám ở lại, liền phá hủy cung thất, miếu vũ trong thành, lấy gạch đá, gỗ, lửa đàn bà con gái, tài vật theo đường thủy về Phú Xuân, chỉ để 3.000 binh giữ Lê kinh.

An Nam có 38 phủ, 56 châu, 118 huyện, số hàng giặc Nguyễn rất nhiều chỉ còn lại Tuyên Quang, Hưng Hóa là chưa theo mà thôi. Quyển thuộc vua Lê từ kinh đô thất tán các nơi, vượt sông giáp giới Quảng Tây

chạy sang cầu cứu Trung Quốc đã khai như thế. Còn tri phủ Quảng Tây thì cho hay quyền thuộc của tự tôn nước An Nam cùng di mục tùy tông trong danh sách có Nguyễn Thị Ngọc Tố là mẹ của Lê Duy Kỳ, Nguyễn Thị Ngọc Thụy là vợ của Lê Duy Kỳ, Lê Duy Thuyền, ba tuổi là con của Lê Duy Kỳ, đàn ông có chức phận 6 người, đàn bà có địa vị 6 người, đầy tớ nam 36 người.

Ngày 27 tháng 10 năm đó, Phú công [tức Phú Cương, Tổng đốc Vân Quý] cùng Đề đốc Ô Đại Kinh đem binh 8.000 người chinh phạt An Nam, sai Vạn hộ Lý Bang Hiến, Lưu Thế Anh đưa quân dẫn đường từ Vĩnh Bình vào đất An Nam, cứ 30 dặm thì lập một trại [lán chứa lương thực], 60 dặm dựng một dịch [trạm truyền tin]. Mỗi trại, mỗi dịch đóng quân 300 người.⁽¹³⁾ Thế nhưng cánh quân đi từ Quảng Tây đến An Nam thì gần, còn quân đi từ Vân Nam thì xa nên phải lập ra đến 25 đài trạm để chuyển vận bốn vạn thạch lương. Số phu vận tải là hai vạn người. Ngựa 2.000 con. Bò 2.000 con. Mỗi đài trạm số phu vận tải là 400 người, binh dinh thêm 20 người nữa và 14 con ngựa. Số phu, số ngựa còn dư thì để dự bị, qua lại nơi nào cần thì tiếp ứng.

Từ Mã Bạch Quan đến trấn Tuyên Hóa [Tuyên Quang, Hưng Hóa] chỉ có 20 đài trạm nhưng lộ trình là 1.100 dặm. Mã Bạch thuộc Khai Hóa là nội địa [đất Trung Hoa]. Từ Khai Hóa ra khỏi cửa quan 20 dặm đến trại Đạt Hiệu có một con sông nhỏ tên là Chú Hà [呪河],⁽¹⁴⁾ ấy là biên giới Giao Chỉ vậy. Từ Đạt Hiệu đi 30 dặm thì đến Đô Long [都龍] có xưởng đồng Đô Long.⁽¹⁵⁾ Đô Long đi 50 dặm thì đến Tinh Khẩu [筭口], đường gập ghềnh hiểm trở, phải qua bốn khe suối. Qua khỏi Tinh Khẩu 30 dặm thì đến sông Nam Ôn [南溫], phải qua ba khe suối, không thôn xóm gì cả. Qua khỏi sông Nam Ôn 40 dặm thì đến Trúc Ngõa Phòng, phải qua bốn khe suối, đường gập ghềnh, qua Trúc Ngõa Phòng 50 dặm đến sông Thanh Thủy, đường khó đi, phải qua bốn dòng suối, leo bốn cái dốc. Từ sông Thanh Thủy đi 60 dặm thì đến An Biên, qua sáu khe suối, không dùng cầu treo, qua một cái dốc lớn. Qua khỏi An Biên 70 dặm đến xã Phú Linh, đường bằng phẳng nhưng nguy hiểm và chẳng có thôn xóm nào. Từ Phú Linh đi 70 dặm thì đến Ngoại Xung đường gập ghềnh, tuy đất bằng phẳng nhưng cũng không có thôn xóm. Đi thêm 80 dặm thì đến Ngoại Xảo, đường khắp khểnh hiểm yếu qua 20 dòng suối, hai dốc đá, ba dốc đất, không thôn xóm gì. Qua Ngoại Xảo 80 dặm đến Bình Hành, đường gập ghềnh nhưng cũng không thôn xóm, phải qua bốn dòng suối. Từ Bình Hành đi 80 dặm đến Lang Lãnh qua bốn dòng suối, không thôn xóm. Từ Lang Lãnh đi 80 dặm đến châu Đại Man, qua xã Hạ Lương. Từ đầu Hạ Lương đi 60 dặm đến cuối ranh giới Hạ Lương. Từ Hạ Lương đến huyện Nhữn Luật, Phúc Yên là 80 dặm. Từ Nhữn Luật, qua một con sông lớn [sông Lô?] thêm 70 dặm thì đến đầu tổng Hùng Dị. Đi từ đó thêm 70 dặm mới đến cuối tổng Hùng Dị, thêm 80 dặm nữa đến trấn Tuyên Quang.

Từ Tuyên Hóa đến Lê thành còn đi mất 8 ngày nữa, đường đất bằng phẳng, qua sông Lự thì đến ngã rẽ hai con sông giáp ranh nước Hồng

Mao (?). Như thế từ Mã Bạch Quan đến An Biên là 290 dặm, từ An Biên đến châu Đại Man 450 dặm. Từ châu Đại Man đến Tuyên Quang 360 dặm, tổng cộng 1.100 dặm.

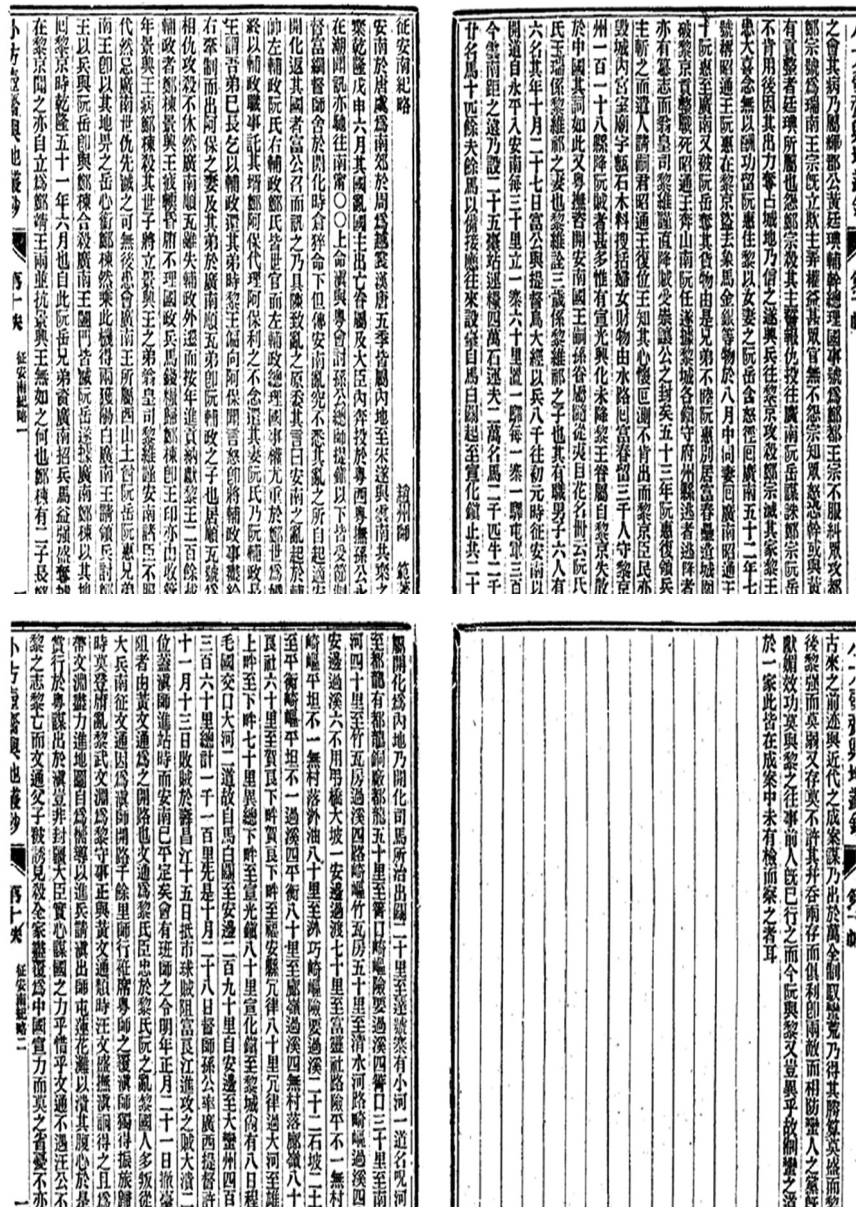
Trước đây vào ngày 28 tháng 10, Đốc sư Tôn công [Tôn Sĩ Nghị] suất lĩnh Đề đốc Quảng Tây Hứa Thế Hanh qua trấn Nam Quan, theo đường Lạng Sơn tiến xuống. Ngày 13 tháng 11 đánh bại quân giặc ở sông Thọ Xương. Ngày 15 đến Thị Cầu, giặc lui về giữ sông Phú Lương, bị tấn công đánh cho đại bại.

Ngày 20 tháng 11 vào đến kinh đô nhà Lê, lập tự tôn Lê Duy Kỳ. Thành ra khi quân Điền [tức quân Vân Quý] tiến xuống An Nam thì đã bình định xong. Hai bên họp bàn lệnh rút quân, định vào ngày 21 tháng Giêng năm sau sẽ dỡ các đài trạm [lán lương thực] để về Vân Nam.

Lời bàn [của Sư Phạm]: *Sở dĩ quân Điền tiến thẳng sang An Nam mà không gặp trở ngại gì vì do Hoàng Văn Thông [黃文通] đi mở đường. Văn Thông là bầy tôi nhà Lê, trung với họ Lê. Khi có loạn họ Nguyễn [Tây Sơn], người trong nước hầu hết phản nhà Lê chạy theo nhà Nguyễn, chỉ có Văn Thông một mình còn trung với họ Lê. Khi đại binh xuống chinh phạt An Nam, Văn Thông nhận mở đường đến hơn một nghìn dặm cho quân Điền. Đến khi quân Việt [tức quân Lương Quảng] bị thua, quân Điền bình an rút về chẳng phải là công Hoàng Văn Thông hay sao?*

Đời Minh Gia Tĩnh, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, Vũ Văn Uyên vẫn trung với họ Lê cũng không khác gì Hoàng Văn Thông. Khi đó Tuần phủ Điền là Uông Văn Thịnh dò biết nên xin triều đình ban quan tước cho cha con họ Vũ. Văn Uyên ra sức, lại tiến địa đồ nhận làm hướng đạo xin quân Điền xuất binh. Vũ Văn Uyên xin quân Minh đóng tại triền Liên Hoa chặn nước giữa dòng khiến cho Đăng Dung phải cúi đầu nghe mệnh, khôi phục nhà Lê. Người đất Việt mà bày mưu cho Điền thật đúng là phong cương đại thần xuất lực cho quốc gia vậy.⁽¹⁶⁾ Tiếc rằng Văn Thông không gặp người như Uông công nên không thể như Vũ Văn Uyên để được toại nguyện khôi phục nhà Lê. Khi nhà Lê mất, cha con Văn Thông bị dụ rồi cả nhà bị giết. Người vì Trung Quốc xuất lực nhưng không được ngó ngang gì tới thật chẳng đáng buồn hay sao?

Phàm khi có việc ở biên giới nên sưu khảo các tích xưa để so sánh với việc ngày nay thì mới mong được kế vạn toàn chế ngự man hoang và thắng được. Khi Mạc thịnh mà Lê suy vì thì giúp cho họ Lê để phân chia thế của họ Mạc. Đến sau Lê mạnh mà Mạc yếu thì không để cho Mạc bị thôn tính mà giữ cho tồn tại để hai bên đối địch rồi đề phòng man đảng cấu kết với nhau, đó là cách của chúng ta để giữ biên cương. Chuyện họ Mạc họ Lê ngày trước người xưa đã có đường lối rồi, bây giờ họ Nguyễn họ Lê thì có gì khác đâu? Do đó đạo chế phục người man là làm sao dẫn dắt cả hai mà không để cho một họ được thắng thế, đó là việc đã thành án rồi nên không cần phải kiểm chứng mà nên xem xét vậy.



Chinh An Nam kỷ lược trong bộ Tiểu Phương Hồ Trai dư địa từng sao, từ trang 7.645 đến 7.648.

Nhận định của người dịch

Tài liệu của Sư Phạm không có nhiều chi tiết nên từ trước đến nay ít được quan tâm đến. Tuy nhiên vì là *văn bản đầu tay* (primary source) nên cũng giúp cho chúng ta có dữ kiện để phân tích ít nhiều về trận chiến Việt-Thanh.

Sử nước ta thường chú trọng đến lực lượng quân sự của đối phương và cũng không phân biệt thành phần chiến đấu và hậu cần. Thực tế, việc điều động binh lực chỉ mới là một chỏm băng, nhà Thanh còn cả một hệ thống sản xuất, tiếp liệu ở hậu phương để cung ứng cho chiến trường như những phần bộ của một dây chuyền sản xuất.

Trong những chiến dịch lớn, nhất là phải đưa quân vượt biên giới, nhà Thanh luôn luôn tính toán chu đáo và quy mô về đài trạm [trạm lương thực], dịch trạm [trạm truyền tin] và hệ thống phu phen [vận phu] nhiều gấp bội quân chiến đấu để phục vụ liên tục và đầy đủ cho nhu cầu tiền tuyến.

Lực lượng vận chuyển đó không chỉ bao gồm nhân công mà cả xe cộ, trâu bò, lừa ngựa để tiếp tế liên tục và kịp thời. Lương thực được tích trữ tại các đài trạm, có binh lính canh giữ và phu phen luân chuyển thành những vòng tròn như những đàn kiến khi nước lụt. Những vận phu đó có thời hạn phục vụ nhất định và được hưởng một phần gạo muối do chính họ mang vác. Chính vì thế, ngoài lực lượng hiện dịch, quan lại địa phương lại phải chuẩn bị cả những người sẽ thay thế họ trong đợt vận lương kế tiếp.

Để đủ cung ứng cho 8.000 quân Vân-Quý, Tổng đốc Phú Cương phải điều động 20.000 dân phu [và có thể hơn nữa trong các công tác thu mua lương thực, vận chuyển, tồn trữ tại nội địa] và 4.000 cả bò lẫn ngựa [bò để kéo xe, ngựa để cưỡi và truyền tin]. Để có đủ số nhân phu, vật lực cho một chiến dịch kéo dài [có khi hàng năm hay nhiều năm như cuộc viễn chinh Miến Điện], các tỉnh miền nam, tây nam Trung Hoa có những kế hoạch điều động rất tích cực và chu đáo.

Ngoài lương thực, kế hoạch tiếp liệu về khí giới, đạn dược, quân nhu, dược liệu... cho một đoàn quân đông người cũng rất khó khăn. Vào thế kỷ XVIII, khu vực biên giới giáp với Trung Hoa chưa đông dân cư, muối mòng, rắn rết, đã là những mối kinh hoàng cho đoàn quân viễn chinh. Số lượng binh sĩ chết vì dịch tả, sốt rét, kiệt lực, thương hàn... luôn luôn rất cao, lắm khi tiêu diệt cả một đoàn quân trước khi thực sự chạm trán với địch.⁽¹⁷⁾

Những đoàn quân bị điều động đi xa thường rất xuống tinh thần. Ngay trong ký sự này, quân Thanh đất Điền cũng đã tính toán việc triệt binh vào cuối tháng Giêng. Việc trèo đèo vượt suối qua những vùng ma thiêng nước độc vào dịp cận kề Tết Nguyên đán chắc hẳn gợi lên nhiều xúc động cho những người lính vốn là đồn binh [chính sách dùng binh lính khai khẩn ruộng nương để tự túc, thường sống tập trung thành làng, xã] cả đời chưa từng xa gia đình, xa quê hương.

Trong chiến dịch đánh nước ta, đạo quân Vân-Quý được sự tiếp tay của các đầu mục bản thổ người Hóa [Hoá-vi] là dân tộc thiểu số chuyên về khai khẩn các mỏ tại đây. Theo Lê Quý Đôn thì:

... Giống người Hóa thường đều là người Hồ Nam, có tài biết được khí sắc vàng, bạc, sắt, đồng, đi đến đâu hợp bẻ bàn, mở phố xá, đào lò nấu quặng, siêng năng và làm việc quanh năm, ăn mặc và cắt tóc như người phương Bắc, không đem vợ con đi theo, chỗ ở sạch sẽ. Thỉnh thoảng trở về quê, đem theo số vàng bạc đã khai lấy được. Họ ở xưởng đồng Tự Long ước ba, bốn ngàn người, cũng ở cả Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa nữa. Lại có một hạng phu mỏ, người Triều Châu, cũng hay làm việc khai khẩn, nhưng tính tình tham lam, hung hãn, hay tranh cướp giết người, hạng này ở Thái Nguyên rất nhiều, Tuyên Quang, Hưng Hóa không có.⁽¹⁸⁾

Việc quân Tàu được sự tiếp tay của người trong nước không phải chỉ lần này mới có. Trong mọi cuộc xâm lăng, họ luôn luôn chiêu dụ [hay ép buộc] được một số người theo họ, có khi dùng làm phu phen, có khi dùng làm hướng đạo, thông ngôn. Sư Phạm có nhắc đến một chiến dịch trước đây dưới đời Lê khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Nhà Minh sai Cừ Loan và Mao Bá Ôn sang đánh, họ Mạc xin hàng, nhận tước *An Nam đô thống sứ* [ngang tòng nhị phẩm nhà Minh] để được yên thân, lại cắt một số đất ở biên giới cho Trung Hoa.

Sư Phạm cũng nêu rõ chính sách chia để trị của Trung Hoa đối với các nước nhỏ ở chung quanh, dùng người di trị người di [*dĩ di trị di*], không để bên nào mạnh hơn bên nào để họ có thể khai thác mâu thuẫn mà thủ lợi. Đây là một chi tiết khá quan trọng có thể giúp chúng ta giải mã được một số chi tiết về trận chiến Việt-Thanh.

Theo quan điểm của phe nhà Lê, việc Tôn Sĩ Nghị thua trận là do quân Thanh mãi lo ăn Tết, thiếu quyết đoán nên không truy kích quân Tây Sơn ngay sau khi lấy lại Thăng Long. Có lẽ những thần tử Bắc Hà vẫn nghĩ rằng việc Tôn Sĩ Nghị thành thật đem quân sang giúp vua Lê, lấy lại nước rồi sẽ trao lại cho triều đình người Việt.

Thực ra, bên trong nội tình nhà Thanh cũng không hoàn toàn đồng nhất. Tôn Sĩ Nghị chủ trương chiếm nước ta làm quận huyện⁽¹⁹⁾ trong khi vua Càn Long và đình thần muốn giữ phương nam gồm nhiều nước nhỏ, không muốn cho Nguyễn Huệ chiếm được Bắc Hà nhưng cũng không giúp cho nhà Lê có cơ hội để thành một quốc gia tự chủ. Khi chiếm được Thăng Long, sĩ phu nhà Lê muốn tiếp tục tiến đánh, thu hồi lãnh thổ thì Tôn Sĩ Nghị lại tìm đủ cách để vua Lê phải tùy thuộc vào mình, giải trừ mọi khả năng tự cường của miền Bắc nhằm đưa nước ta trở thành “*bán nội thuộc*” trước khi chính thức sáp nhập vào Trung Hoa.⁽²⁰⁾

Cũng vì không muốn một Hán đại thần có cơ hội trở nên Thái thú, vua Càn Long đã đưa đạo quân Vân-Quý sang tiếp thu thành quả và yêu cầu Tôn Sĩ Nghị triệt binh. Tôn Sĩ Nghị muốn chờ Nguyễn Huệ đầu hàng để chiến công thêm lừng lẫy nhưng việc diên trì lại đưa đến một hậu quả bất ngờ là vua Quang Trung đem quân tấn công ngay ngày Tết. Tuy mặt ngoài, việc Tôn Sĩ Nghị thua chạy về là một thất bại quân sự nhưng trên mặt ngoại giao và chính sách đối với phiên thuộc, nhà Thanh vẫn thực hiện được đường lối của họ một cách chu toàn.

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) Ông này thường được sử nước ta nâng lên thành Tri phủ nhưng thực ra chỉ là một Thổ quan. Theo *Thanh sử cảo* quyển 117, Sầm Nghi Đống thừa kế chức Tri châu Điện Châu, dưới tay có một lực lượng thổ binh là 400 người. Tuy nhiên trong chiến dịch này, ông ta còn được chỉ huy những đơn vị thiểu số khác nên lực lượng dưới tay lên đến 2.000 người, chưa kể một số đơn vị tại thượng du nước ta đi theo.
- (2) Flood, Chadin (dịch và hiệu đính). *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign*, [Xiêm La thực lục, Đế nhất kỷ], Chaophraya Thiphakorawong Edition, Vol. Two: Annotations and Commentary. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990.

- (3) Khuyết danh. *Sử ký Đại Nam Việt* (Annales Annamites). Saigon: Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân-định), 1909. (Nhóm Nghiên cứu Sử địa Việt Nam in lại, Sài Gòn, 1974, tái bản Montreal, 1986).
- (4) Nhiều tài liệu do sĩ phu Bắc Hà thu thập và ghi chép xem ra lại có nhiều chi tiết đáng tin cậy hơn chính sử nhà Nguyễn, điển hình là hai bộ *Lịch triều tạp ký* của Ngô Cao Lãng và *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục.
- (5) Triệu Châu nguyên có hai địa điểm cùng tên, một ở Trục Lệ, một ở Đại Lý [Vân Nam]. Sĩ Phạm người gốc Triệu Châu, Vân Nam. Về sau châu này đổi thành huyện, đổi tên là Phượng Nghi. (*Trung Quốc cổ kim địa danh đại từ điển*, Hương Cảng: Thương Vụ, 1982) tr. 1130.
- (6) Đây là nhóm Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Đình Mai đem 4 người đi theo đường Vân Nam, lúc đầu định theo đường Mông Tự trở về nước nhưng đường này khó đi, lắm trạm kiểm soát lại thêm lam chướng nhiều. Thành thử theo lời khuyên của Phú Cương, chọn con đường theo lối Mã Bạch phủ Khai Hóa là đường lớn, con buôn qua lại nhiều, qua khỏi cửa ải đến Tuyên Quang tương đối gần hơn. Sau đó Phú Cương truyền cho Tri phủ Quảng Nam (bên Tàu, không phải bên ta) là Tống Thành Tuy đến vùng biên giới Điện Việt (tên tục của vùng Vân Nam là Điện 滇) hộ tống qua biên giới.
- (7) Tài liệu Trung Hoa viết tên vua Cảnh Hưng là Đoan (bộ Kỳ). Sử nước ta viết tên húy vua là Diêu [黎維禔], lên ngôi năm Canh Thân (1740), mất năm Bính Ngọ (1786). Trước đây, khi giao thiệp với Trung Hoa, vua nước ta thường dùng một tên khác với tên húy trong giấy tờ nên tài liệu của nhà Thanh không hoàn toàn giống như trong Việt sử. Tương tự như thế, vua Chiêu Thống húy là Khiêm nhưng dùng tên Lê Duy Kỳ khi gửi thư sang triều đình Trung Hoa.
- (8) Túc Trịnh Sâm.
- (9) Thực ra Thái tử Lê Duy Vĩ bị bắt từ năm 1769 [Càn Long 34] và bị giết năm 1771 [Càn Long 36].
- (10) Lê Duy Cẩn là em của Thái tử Duy Vĩ, con vua Cảnh Hưng. Trong sách viết theo lối phát âm chữ Nôm của người Việt là 翁皇司 [Ông Hoàng Tư].
- (11) Sử nước ta là Hoàng Đình Bảo.
- (12) Chiêu Thống nhưng Sĩ Phạm viết là Chiêu Thông [昭通].
- (13) Quân Thanh có một hệ thống tiếp vận lương thực, truyền tin và quân nhu rất chu đáo. Do đó số lượng nhân sự điều động thường gấp 3, 4 lần quân hiện dịch khiến cho sử nước ta ghi nhận quân đội của họ rất đông trong khi Thanh sử lại ghi tương đối nhỏ [chỉ ghi quân chiến đấu mà ít khi nhắc tới quân phục dịch]. Nhiều người không thấu đáo hệ thống tổ chức của họ nên vội kết luận rằng quân Thanh giảm bớt quân số của họ để che giấu sự thực. Sử gia Việt Nam lại có khuynh hướng chọn những con số to lớn nhất tìm thấy được mà không mấy khi đối chiếu với thực tế.
- (14) Việt Nam gọi là sông Đổ Chú. Theo Lê Quang Định [Nguyễn] thì “...sông nhỏ, sông này có hai tên, một là Mã Bạch, một là Đổ Chú, đây là nơi phân chia ranh giới Nam Bắc, cả hai bên đều có bia ghi. Vào triều Lê [thời Lê Dụ Tông], Tế tửu Quốc tử giám là Nguyễn Công Thuộc và Tả thị lang Bộ Binh là Nguyễn Huy Nhuận phụng chỉ dựng bia đá bên bờ nam sông này, bia khắc rằng: An Nam quốc, Tuyên Quang trấn, Vị Xuyên châu giới thủ, dĩ Đổ Chú hà vi cú [Châu Vị Xuyên thuộc trấn Tuyên Quang là đầu địa giới nước An Nam, lấy sông Đổ Chú làm mốc giới], gồm 17 chữ, lại còn ghi: Ung Chính lục niên, cửu nguyệt, thập bát nhật [ngày 18 tháng 9, niên hiệu Ung Chính năm thứ 6 - tức Thanh Thế Tông, 1728]...” *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* (bản dịch của Phan Đăng), Huế: Nxb Thuận Hóa, 2005, tr. 495.
- (15) Việt Nam gọi là Tụ Long. Mỏ đồng Tụ Long đời Thanh vào sâu trong đất nước ta đến 30 dặm. Ở vùng này ngoài mỏ đồng, còn có mỏ vàng, mỏ bạc và nhiều khoáng sản quý kim khác. Việc tranh chấp ở biên giới kéo dài rất lâu, phải tranh đấu quyết liệt mới đòi lại được 17 thôn thời vua Ung Chính. *Kiến văn tiểu lục* (Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 1977), tr. 341-5, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục [KĐVSTGCM]*, quyển XXXVII, tr. 4-7 [bản dịch của Viện Sử học] (Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1999) tr. 466-70. Xem những bản đồ đời nay thì Đồ Long đã thuộc về Trung Hoa.

- (16) Về việc Vũ Văn Uyên làm lợi cho giặc như Sư Phạm chép không thấy ghi trong chính sử nước ta. Tuy nhiên, vì việc Mạc Đăng Dung quy thuận nhà Minh đã gây ra thiệt hại rất lớn cho đất nước. Xem *KĐVSTGCM*, quyển XXVII, tr. 26-39 [bản dịch của Viện Sử học, 1999, tr. 109-21].
- (17) Trần Phu [Cương Trung] (1259-1309), đời Nguyên đi sứ sang nước ta khi về có bài thơ *Sứ hoàn cảm sự* như sau:
 “Thiếu niên ngẫu thủ thỉnh trường anh, Mệnh lạc Nam châu nhất vũ khinh. Vạn lý Thượng Lâm vô nhận đáo, Tam canh Hàm Cốc hữu kê minh. Kim qua ảnh lý đan tâm khổ, Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh. Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại, Mộng hồi do giác chường hồn kinh”.
“Ngẫu nhiên xin được quăng dây neo, Lệnh xuống Nam châu một cánh vèo. Muôn dặm Thượng Lâm không nhận tới, Ba canh Hàm Cốc có gà kêu. Lòng son cảm thấy thanh gươm loáng, Tóc bạc hòa theo tiếng trống reo. May được khi về thân vẫn mạnh, Giật mình còn tưởng chường hồn trên”. (Kiến văn tiểu lục, Lê Mạnh Liêu dịch, Sài Gòn, 1963). Hai câu cuối nhắc đến nỗi sợ về tin đồn ma thiêng, bùa ngải của người thượng du nước ta [chường hồn] mà sứ thần Trung Hoa e ngại.
- (18) *Lê Quý Đôn toàn tập*, Tập II: *Kiến văn tiểu lục*. Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 1977, tr. 334-5.
- (19) Theo như chính lời vua Càn Long trong lời phụ chú bài thơ liên hoàn làm tại Trùng Hoa Cung, Tết Nguyên đán năm Giáp Dần (1794) thì “*Tôn Sĩ Nghị lúc đầu tàu lên nước An Nam có nội loạn, vậy hãy thừa cơ này khi bình định xong thu lấy đất đai, nhân dân... nhưng hoàng thượng ra lệnh rằng trăm đại công chí chính, bốn bể một nhà, chút đất cỏ con kia chỉ như một hạt thóc trong kho lớn, đâu phải nhỏ nhặt thừa nhân chỉ nguy để lợi cương thổ...*”. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập*, tập X [quyển 55, tr. 28].
- (20) Theo hồi ký *Bắc hành từng ký* của Lê Quýnh, vua Chiêu Thống sau khi được phong làm An Nam quốc vương liền “*giao cho Lê Quýnh tổ chức binh lương để tiến đánh gấp nhưng Tôn Sĩ Nghị chủ trương chiêu hàng, bảo quốc vương thu lại ấn và đổi qua làm bình chương sự...*” [... 命黎罔總兵餉，刻期進剿。奏何孫總督主招來之計，促國王進取歸印改授 平章事]. Chính vì việc này, Lê Quýnh đã lấy cớ bị sốt rét nên trở về quê chữa thuốc.

TÓM TẮT

Chinh An Nam kỷ lược là một bản văn ngắn của tác giả Sư Phạm (Trung Quốc), ghi chép về cánh quân Vân-Quý của nhà Thanh đi theo đường Vân Nam xuống Tuyên Quang trong cuộc chiến xâm lược Việt Nam vào đầu năm Kỷ Dậu (1789).

Tài liệu của Sư Phạm không có nhiều chi tiết nên từ trước đến nay ít được quan tâm. Tuy nhiên, đây là một văn bản đầu tay (primary source) do chính người trong cuộc viết ra, nên cũng giúp cho chúng ta có thêm dữ liệu để tìm hiểu về tình hình cuộc chiến, nhất là những nguyên nhân khiến nhà Thanh động binh xâm lược nước ta.

Tác giả Sư Phạm đã nêu rõ chính sách chia để trị của người Trung Hoa đối với các nước nhỏ lân bang, “dùng người di trị người di”, không để bên nào mạnh hơn bên nào để họ có thể khai thác mâu thuẫn mà thủ lợi.

ABSTRACT

A SUMMARIZED HISTORY OF INVASION OF AN NAM (CHINH AN NAM KỶ LƯỢC)

This document written by Sư Phạm notes down the operation of Vân Quý's army who followed the route from Vân Nam (China) to Tuyên Quang (Việt Nam) in the invasion taking place in the Year of the Rooster (1789)

Sư Phạm's work fails to give a detailed report of the event. However, being a document of primary source written by an insider of the event, the document provides further data for our study on the war, above all, on the reasons why the Qing dynasty decided to wage war on us.

Sư Phạm gives a clear description on the Chinese policy to divide the smaller neighbouring nations into conflicting factions for easier control, “Using the barbarians to cope with the barbarians” and preserving balance of power between them so that each side could not take advantage of the contradiction to gain their own interest.